

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: **118**/BSG-KTTK
Giải trình BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025
*Explanation of the consolidated FS
of 3rd quarter of 2025*

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng 10 năm 2025
Ho Chi Minh City, Oct **28**, 2025*

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước / *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM / *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the consolidated financial statement of 3rd quarter of 2025 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:
Consolidated income statement:

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 3		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2025	2024		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	6,509,183,599,271	7,737,388,215,882	-1,228,204,616,611	-16%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	72,606,021,283	67,279,614,677	5,326,406,606	8%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	6,436,577,577,988	7,670,108,601,205	-1,233,531,023,217	-16%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold and services provided	4,050,234,333,036	5,391,899,712,720	-1,341,665,379,684	-25%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	2,386,343,244,952	2,278,208,888,485	108,134,356,467	5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	251,611,132,941	253,590,755,449	-1,979,622,508	-1%

7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	-78,186,630,167	12,464,565,152	-90,651,195,319	-727%
- Trong đó: Chi phí lãi vay/ Including: Interest expenses	7,297,682,237	6,169,631,263	1,128,050,974	18%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Share of profits in associates and jointly controlled entities	61,285,151,083	50,860,754,308	10,424,396,775	20%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	981,288,337,744	867,894,877,500	113,393,460,244	13%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	233,280,188,525	224,468,201,063	8,811,987,462	4%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	1,562,857,632,874	1,477,832,754,527	85,024,878,347	6%
12. Thu nhập khác/ Other income	139,404,397,215	4,485,921,047	134,918,476,168	3008%
13. Chi phí khác/ Other expenses	6,473,444,837	11,260,561,181	-4,787,116,344	-43%
14. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	132,930,952,378	-6,774,640,134	139,705,592,512	-2062%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	1,695,788,585,252	1,471,058,114,393	224,730,470,859	15%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	306,674,578,977	295,901,232,943	10,773,346,034	4%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/ (benefit) – deferred	-14,610,985,986	13,797,158,364	-28,408,144,350	-206%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,403,724,992,261	1,161,359,723,086	242,365,269,175	21%

Doanh thu thuần thấp hơn cùng kỳ, phù hợp với sự sụt giảm sản lượng và tác động hợp nhất từ việc mua lại Tập đoàn Bia Bình Tây (trở thành công ty con thay vì là công ty liên kết như trong năm 2024). Tuy nhiên, lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế cao hơn năm trước, lần lượt nhờ vào giá malt gạo giảm, hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu được cải thiện, thu nhập khác tăng và chi phí tài chính giảm sau khi hoàn tất phân bổ giá mua của thương vụ mua lại. Những yếu tố tích cực này phần nào bị ảnh hưởng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

Net sales were lower than the previous year, aligning with reduced volume and the consolidation impact of the acquisition of Binh Tay Beer Group (a subsidiary versus an associate in 2024). However, both gross profit and profit after tax were higher than last year, respectively driven by lower malt and rice prices, improved material usage, increased other income and decreased finance expense following the finalization of the Purchase Price Allocation of the acquisition. These positive factors were partially offset by higher selling expenses and general & administrative (G&A) expenses.

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 09 month period ended 30 Sep		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2025	2024		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	19,276,016,961,126	23,115,627,413,647	-3,839,610,452,521	-17%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	224,376,427,311	175,721,293,907	48,655,133,404	28%

38388
CÔNG T
PHÂN
RƯỢU
GIẢI K
I GÒ
TP HỒ

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	19,051,640,533,815	22,939,906,119,740	-3,888,265,585,925	-17%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold and services provided	12,345,167,695,982	16,121,036,277,759	-3,775,868,581,777	-23%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	6,706,472,837,833	6,818,869,841,981	-112,397,004,148	-2%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	749,939,702,759	798,591,131,867	-48,651,429,108	-6%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	28,042,076,718	29,275,581,133	-1,233,504,415	-4%
- Trong đó: Chi phí lãi vay/ Including: Interest expenses	26,964,523,805	22,568,097,181	4,396,426,624	19%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Share of profits in associates and jointly controlled entities	147,883,904,207	67,371,108,729	80,512,795,478	120%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	2,696,548,838,153	2,612,156,015,015	84,392,823,138	3%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	719,855,200,093	609,507,230,321	110,347,969,772	18%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	4,159,850,329,835	4,433,893,256,108	-274,042,926,273	-6%
12. Thu nhập khác/ Other income	145,582,446,505	12,392,029,052	133,190,417,453	1075%
13. Chi phí khác/ Other expenses	25,934,144,124	38,063,405,584	-12,129,261,460	-32%
14. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	119,648,302,381	-25,671,376,532	145,319,678,913	-566%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	4,279,498,632,216	4,408,221,879,576	-128,723,247,360	-3%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	739,580,722,569	831,542,160,170	-91,961,437,601	-11%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/ (benefit) – deferred	85,881,391,308	72,676,855,353	13,204,535,955	18%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	3,454,036,518,339	3,504,002,864,053	-49,966,345,714	-1%

Doanh thu thuần thấp hơn cùng kỳ chủ yếu do sự sụt giảm sản lượng vì thời điểm Tết khác nhau (tháng 01/2025 so với tháng 02/2024), cạnh tranh gay gắt trên thị trường và tác động kế toán của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Tập đoàn Bia Bình Tây kể từ ngày 3/1/2025 khi được hợp nhất như một công ty con, thay vì là công ty liên kết như trong năm 2024. Kết quả kinh doanh cũng chịu ảnh hưởng từ việc thu nhập lãi tiền gửi giảm và chi phí bán hàng cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp cao hơn. Tuy nhiên những yếu tố này được bù đắp một phần bởi thu nhập khác cao hơn sau khi hoàn tất phân bổ giá mua liên quan đến thương vụ mua lại và lợi nhuận từ các công ty liên doanh liên kết tăng.

Net sales were lower than the previous year, primarily due to a decline in volume driven by the timing of TET (Jan 2025 versus Feb 2024), heightened market competition, and the accounting impact of excise tax for Binh Tay Beer Group as a subsidiary from Jan 3, 2025 versus an associate in 2024. The overall performance was also affected by lower interest income and higher selling and G&A expenses. These were partially offset by higher other income resulting from the finalization of the Purchase Price Allocation related to the acquisition and increased profit sharing from associates.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of the financial indicators on SABECO's consolidated financial statements of 3rd quarter of 2025.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu: Văn thư/ *Save at the Office.*



TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR

Tan Teck Chuan Lester

